

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-ST

Ngày: 14-01-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị NgQ1ên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trinh

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Thi Thị Hoàng Yên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2020/TLHS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2020 theo Q1ết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bùi Trọng Q, sinh ngày 10/6/1986 tại Quảng Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Bàn Tân, xã Đ, Hện Đ, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Tấn P(c) và bà Văn Thị L. Vợ: Trương Thị Hiền T. Có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam từ ngày 14/7/2020.

Bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Nhật H, sinh ngày 28/02/1994 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKKHKT: tổ 36 phường X, quận Th, thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Phòng 308 khu A Chung cư Hòa X, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông không rõ và bà Trần Thị B. Vợ: Lê Thị Th, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 59 ngày 27/5/2011 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 20 tháng tù giam về tội” Cướp giật tài sản”. Đã được xóa án tích.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam từ ngày 16/7/2020.

Bị cáo có mặt.

- *Người bị hại:*

+ Anh Phạm Đình Ph, sinh năm 1982; trú tại: thôn Vân Tr, xã Tam Hi, Hện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; trú tại: tổ 07 phường Hòa X, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Anh Võ Công Tr, sinh năm 1989; trú tại: tổ 12 phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Anh Võ Công H, sinh năm 1962; trú tại: tổ 12 phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Bà Phan Thị T, sinh năm 1963; trú tại: tổ 12 phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Anh Trần Quang Q, sinh năm 1975; trú tại: 428/18 đường Tôn Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1980; trú tại: 428/18 đường Tôn Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1988; trú tại: tổ 90 phường Hòa M, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người có Q1ền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Phạm Đình H, sinh năm 1981; trú tại: tổ 49 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1990; trú tại: K500/47 Tôn Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị Bích Ngọc, sinh năm 1981; trú tại: Bàn Tân, Đại Đồng, Đại Lộc, Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị B, sinh năm 1963; trú tại: tổ 36 phường X, quận Th, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Công ty TNHH Một thành viên Thịnh H; Địa chỉ: số 620 đường Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật có bà Lê Phương T, sinh năm 1984, Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2018, trong quá trình quan hệ, quen biết, Bùi Trọng Q đã nói với Nguyễn Nhật H là nếu có ai là anh em, bạn bè vướng vào pháp luật thì giới thiệu để Q “Chạy án”, được tiền thì chia nhau. Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 4 năm 2020, H và Q đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối, tự giới thiệu bản thân, đồng bọn là Công an, có nhiều quan hệ quen biết với những người có chức vụ trong các cơ quan pháp luật để người thân của các đối tượng đã có hành vi vi phạm pháp luật tin tưởng, nhờ “chạy án”. Ngoài ra, để mọi người tin Q là Công an thật, Q đặt mua nhiều vật dụng, trang phục của ngành Công an và thường xuyên thuê xe ô tô để đi lại. Với phương thức và thủ đoạn như trên, các bị can đã nhiều lần lừa đảo, chiếm đoạt tiền của các bị hại, cụ thể như sau:

Vụ 1. Khoảng tháng 7 năm 2019, do có quan hệ quen biết nên anh Phạm Đình Ph và chị Phạm Thị L L là em ruột và vợ của Phạm B đã liên lạc, nhờ H tìm người chạy cho B không bị giam giữ. Do túng thiếu tiền tiêu, H nảy sinh ý định cùng với Q lừa đảo chiếm đoạt tiền của gia đình B nên đã điện thoại trao đổi thông tin trên với Q. Theo phân công của Q, H hẹn anh Phương và chị L đến gặp Q tại quán cà phê trên đường Tôn Đức Thắng để trao đổi. Tại đây, H tự đưa ra thông tin giới thiệu Q là Công an thuộc biên chế Bộ Công an, phụ trách 7 tỉnh miền T tây nguyên, trước đây Q đã từng lo cho H ra trại sớm. Tiếp theo lời giới thiệu của H, Q tự trao đổi và hứa sẽ lo cho B được ra, không bị tạm giam trong vòng 20 ngày, với chi phí là 65.000.000 đồng. Anh Phương và chị L tưởng thật nên đã thống nhất chi phí, thời hạn theo như Q đề nghị. Tuy nhiên tại thời điểm đó, chị L không đem theo đủ tiền nên các bên thống nhất giao nhận trước 40.000.000 đồng. Sau khi H nhận tiền, đưa lại cho Q thì được Quý chia cho 7.000.000 đồng, số tiền có được, các bị can đã tiêu xài hết cho cá nhân.

Đến buổi tối cùng ngày, Q điện thoại hỏi H lo lấy nốt số tiền còn lại theo như đã thỏa thuận nên H đã tìm gặp chị L, lấy nốt 25.000.000 đồng về đưa cho Q tại quán cà phê trên đường Hà H Tập - TPĐN. Số tiền trên, mình Q đã tiêu xài hết cho cá nhân.

Vụ 2. Khoảng một tháng sau ngày chiếm đoạt 65.000.000 đồng của chị L, Q chủ động hẹn gặp chị L rồi tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là anh vụ án của Phạm Brất nghiêm trọng, phức tạp nên với 65.000.000 đồng như đã thỏa thuận không thể lo cho B được mà phải thêm 60.000.000 đồng nữa. Do khó khăn, không thể lo được tiền thêm nữa nên chị L đã nói Q là thôi không tiếp tục “chạy án” nữa thì Q tiếp tục gây áp lực với chị L, nếu không lo được thêm tiền tiếp thì coi như mất số tiền 65.000.000 đồng đã đưa trước đây, vì Q đã đưa hết cho họ rồi. Chị L sợ bị mất không số tiền đã đưa cho Q đồng thời vẫn hy vọng Q lo được cho B nên Chị L đồng ý với đề nghị của Q nhưng xin khát đến ngày hôm sau mới đưa tiền.

Sau khi chị L đồng ý, Bùi Trọng Q điện thoại nói rõ với H hẹn gặp chị L lấy thêm 60.000.000 đồng tiền “chạy án” nữa. Theo lời Q, H gặp chị L nhận tiếp 60.000.000 đồng. H tự lấy phần của mình là 10.000.000 đồng, còn lại đưa cho Q 50.000.000 đồng, cả hai cùng tiêu xài hết cho cá nhân.

Vụ 3: Khoảng 01 tháng sau (tháng 9.2019, sau vụ thứ 2), Q lại tiếp tục điện thoại, hẹn gặp chị L và nói nếu muốn lo cho anh B không bị giam nữa thì phải đủ 200.000.000 đồng, nếu không có đủ thì 125.000.000 đồng trước đây đã đưa cho H và Q coi như mất vì đã chi phí hết rồi. Chị L tin tưởng nên đã đồng ý giao tiền cho Q làm 03 lần, mỗi lần 25.000.000 đồng. Cụ thể: Một lần, Q nhờ người tên T gặp chị L trên đường Ông Ích Đường, tại vị trí tiếp giáp với cầu Cẩm Lệ để nhận 25.000.000 đồng rồi sau đó đưa lại cho Q. Hai lần tiếp theo, Q hẹn gặp và nhận từ chị L, mỗi lần 25.000.000 đồng. T1 bộ số tiền trên, Q tiêu xài hết cho cá nhân.

Vụ 4: Ngày 11 tháng 11 năm 2019, Võ Công Tr và cha ruột là ông Võ Công H nhờ H tìm người lo giúp cho T vụ đánh nhau mà T gây ra ở địa bàn quận Thanh Khê. H điện thoại nói Q cùng “chạy án” kiếm tiền tiêu xài, Q đồng ý và nói H sắp xếp để cùng gặp ông H thương lượng. Khoảng 14 giờ ngày 12.11.2019, Q và H hẹn ông H và vợ ông H là bà Phan Thị Th gặp nhau tại quán cà phê “Hải Hà” trên đường Văn Tiến Dũng. Tại đây, H tự đưa ra thông tin gian dối, giới thiệu với vợ chồng ông H là: “Anh Q là Công an quận Thanh Khê sẽ giúp lo liệu cho T”. Q cũng tiếp tục tự bịa đặt, người bị T đánh thương tích nặng 70% là nằm ở khoản 3, đi tù cũng phải 5 năm nên phải lo tiền mà chung cho họ.

Cùng lúc này, T điện thoại cho H nói là người bị T đánh chỉ bị thương nhẹ nên đã xuất viện về rồi, vụ việc T đã lo liệu xong nên không nhờ H, Q chạy giúp nữa đồng thời T cũng nói cHện điện thoại với nội dung thông tin như vậy đến cho cha mẹ mình là ông H và bà T. Q thấy vậy, sợ ông H không đưa tiền “Chạy án” nên Q đã giả làm động tác gọi điện thoại rồi sau đó nói lại với ông H là có sự nhầm lẫn, người bị T đánh chỉ bị thương tích 16%, cũng nhẹ hơn nên chỉ cần ít tiền lo liệu là được. H nghe và biết Q bịa đặt để cố ý lừa đảo chiếm đoạt bằng được tiền của ông H nhưng H không phản ứng mà tiếp tục cùng Q thống nhất nhận của ông H 20.000.000 đồng. Ngay sau khi nhận tiền, Q chia phần cho H 4.000.000 đồng, cả hai cùng tiêu xài cá nhân hết.

Vụ 5: Khoảng tháng 2 năm 2020, Trần Quang Q có hành vi gây thương tích cho người khác, vụ việc đang bị Cơ quan Điều tra Công an quận Cẩm Lệ thụ lý, giải Q1ết. Anh Q1 lo sẽ bị xử lý hình sự nên thông qua Phạm Đình H giới thiệu cho anh Q1 gặp Q để nhờ Q lo chạy cho Q1.

Ngày 28.4.2020, Q và anh Q1 trao đổi trên điện thoại, Q tự giới thiệu có quen biết với nhiều lãnh đạo ngành Công an ở thành phố Đà Nẵng, quận Cẩm Lệ, quận Sơn Trà nên việc của anh Q1 sẽ lo được, không bị xử lý hình sự với tổng chi phí 40.000.000 đồng. Anh Q1 tin những lời Q nói là thật nên đã đồng ý, các bên thống nhất giao nhận trước 20.000.000 đồng để Q chung chi cho lãnh đạo Công an quận Cẩm Lệ. Theo đó, đến chiều cùng ngày, theo như đã hẹn, Q điều khiển xe ô tô BKS: 43A - 147.38 đi đến trước cổng bến xe T tâm thành phố, ngồi sẵn trên xe, mở kính cửa trước xuống thấp để anh Q1 bỏ phong bì có chứa 20.000.000 đồng vào trong xe rồi lái đi.

Hai ngày sau đó, Q tiếp tục điện thoại cho anh Q1 yêu cầu giao nốt 20.000.000 đồng để Q lo chung chi cho anh em cán bộ điều tra vụ việc. Địa điểm và phương thức giao nhận cũng tương tự như lần nhận tiền ngày 28.4.2020.

Tổng số tiền Bùi Trọng Q chiếm đoạt của anh Trần Quang Q là 40.000.000 đồng, Q đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ 6: Khoảng tháng 4 năm 2020, Bùi Trọng Q đến thuê phòng trọ ở gần nhà của anh Nguyễn Đình T nên có quen biết với anh T1. Tại đây, Q thường tự khoe mình là Công an, biên chế thuộc bộ, phụ trách 7 tỉnh miền T tây nguyên. Qua cHện trò, Q biết anh T1 đang có nhu cầu làm thủ tục cHển Q1ên sử dụng đất ở Hện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam từ cha anh T1 sang cho anh T1. Nghe vậy, Q nảy sinh ý định lừa đảo anh T1 để kiếm tiền tiêu xài. Q tự bịa đặt thông tin có quen biết với anh “Quang” công tác ở Sở Tài nguyên môi trường tỉnh

Quảng Nam nên sẽ giải Q1ết được nhu cầu của anh T1 với tổng chi phí là 40.000.000 đồng, anh T1 tin tưởng Q là công an sẽ có nhiều quan hệ sẽ lo được nên đồng ý. Q đề nghị anh T1 đưa trước 8.000.000 đồng để nhờ anh “Quang” nói anh em đi đo đất trước, anh T1 đồng ý. Theo như đã hẹn, Q điều khiển xe ô tô BKS: 43A - 173.58 đến trước cây xăng trên đường Hoàng Văn Thái nhận của anh T1 8.000.000 đồng. Ngày hôm sau, Q yêu cầu anh T1 đưa 7.000.000 đồng để làm thủ tục nhưng anh T1 chưa có tiền giao thì Q sử dụng số điện thoại lạ giả giọng người tên Quang để yêu cầu anh T1 đưa tiền cho Q làm thủ tục nếu không sẽ từ chối giúp nhưng anh T1 vẫn không có tiền đưa cho Q. Sau đó 02 ngày, Q đến nhà anh T1 lấy 2.000.000 nói là Q đi vô Quảng Nam tác động với anh Quang để sắp xếp nhanh đo đất. Ngay sau ngày nhận tiền này, Q đã trả phòng trọ, chặn liên lạc với anh T1. Tổng số tiền Bùi Trọng Q lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Đình T là 10.000.000 đồng, bị can đã tiêu xài cá nhân hết.

Tang vật tạm giữ gồm:

Tạm giữ từ Bùi Trọng Q các tang vật chứng sau:

- Xe ô tô BKS: 43A - 147.38 và 01 bản chính Giấy chứng nhận kiểm định xe, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe BKS: 43A - 147.38;
- Một bản chính Giấy phép lái xe mang tên Bùi Trọng Q;
- Xe mô tô BKS: 92E1 - 400.30;
- Điện thoại di động hiệu Sam sung S20, màu đen, gắn sim số 0905.555.578;
- Điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu vàng gắn sim số 0979533367;
- Một điện thoại di động hiệu Nokia màu cam;
- Một điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh dương;
- Các đồ vật, tài liệu là trang phục ngành Công an gồm: 01 bộ quần áo An ninh nhân dân xuân hè; 01 cặp ve áo; 01 quân hàm đại úy Công an nhân dân; 01 bảng tên có H hiệu Công an nhân dân tên Bùi Trọng Q, mã số 378 - 178; 01 đôi giày nam, số 43; 01 đôi tất nam màu xanh; 01 còng số 8, bằng kim loại và chìa khóa mở còng; 01 thắt lưng Công an nhân dân màu nâu, 02 bộ đàm màu đen, 01 bật lửa hình dạng súng ngắn; 01 mũ kepi Công an nhân dân có gắn H hiệu.

Tạm giữ của Nguyễn Nhật H: 01 điện thoại hiệu Nokia màu xanh và số tiền 1.500.000 đồng.

Tạm giữ của các bị hại, người liên quan các tang vật chứng sau:

- 01 đĩa CD lưu trữ 35 tập tin âm thanh do chị Đỗ Thị H nộp;
- 01 đĩa CD lưu trữ 05 tập tin âm thanh do anh Phạm Đình Ph nộp;

- 01 đĩa CD lưu trữ 12 tập tin âm thanh do chị Nguyễn Thị L nộp;
- Bản chính giấy cam đoan Bùi Trọng Q viết do chị Nguyễn Thị L nộp;
- Số tiền 2.500.000 đồng do bà Trần Thị B nộp.

Về dân sự:

Sau khi phạm tội và trong quá trình điều tra vụ án, bị can Bùi Trọng Q đã tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị L 30.000.000 đồng, chị L yêu cầu các bị can tiếp tục bồi thường tổng số tiền 170.000.000 đồng; Đã bồi thường cho anh Trần Quang Q 39.000.000 đồng, anh Q1 và chị Đỗ Thị H (vợ anh Q1) đã nhận và không có yêu cầu thêm về dân sự; anh Nguyễn Đình T yêu cầu bị can Bùi Trọng Q bồi thường 10.000.000 đồng, đến nay Q chưa bồi thường.

Bị can Nguyễn Nhật H đã tự nguyện bồi thường cho ông Võ Công H 20.000.000 đồng, ông T không có yêu cầu thêm về dân sự, có đơn xin giảm án cho bị can H.

Mẹ của bị cáo Nguyễn Nhật H là bà Trần Thị B đã tự nguyện khắc phục số tiền 15.000.000đ cho chị Nguyễn Thị L, chị L đã có đơn bãi nại về phần dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Qua điều tra đã chứng minh được Bùi Trọng Q thuê xe ô tô BKS: 43A - 147.38 của Công ty TNHH Thịnh Hiếu Kh để làm phương tiện đi lại, Công ty Thịnh Hiếu Kh không biết Q sử dụng xe trên vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ đã trả lại xe ô tô BKS: 43A - 147.38 và 01 bản chính Giấy chứng nhận kiểm định xe, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe BKS: 43A - 147.38 cho Công ty Thịnh Hiếu Khang, đại diện theo ủy quyền của Công ty - ông Nguyễn Chí Q đã nhận xe và không có yêu cầu gì thêm;

Xe mô tô BKS: 92E1 - 400.03, qua điều tra xác định xe thuộc sở hữu của chị Bùi Thị Bích N là chị gái của Bùi Trọng Q. Chị Ngcho Q mượn xe làm phương tiện đi lại, không biết Q dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ đã trả lại xe trên cho chị Ngọc;

Các vật chứng gồm: 03 đĩa CD của các bị hại, người liên quan nộp và Bản chính giấy cam đoan Bùi Trọng Q viết do chị Nguyễn Thị L nộp là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị can được cHển cùng theo hồ sơ vụ án phục vụ xét xử;

Các vật chứng còn lại gồm: Giấy phép lái xe mang tên Bùi Trọng Q; Điện thoại di động hiệu Sam sung S20, màu đen, gắn sim số 0905.555.578; Điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu vàng gắn sim số 0979533367; Điện thoại di động hiệu Nokia màu cam; Điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh dương (tạm giữ của Q). Điện thoại hiệu Nokia màu xanh; Số tiền 1.500.000 đồng. (tạm giữ của H). Số tiền 2.500.000 đồng (bà Trần Thị B nộp), cHển Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ tiếp tục tạm giữ, phục vụ xét xử.

Từ những tình tiết nêu trên, tại Cáo trạng số 76/CT-VKSCL ngày 10/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đã truy tố các bị cáo Bùi Trọng Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, truy tố bị cáo Nguyễn Nhật H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ thực hiện Q1ên công tố phát biểu quan điểm luận tội là vẫn giữ nguyên Q1ết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 , điểm a, b , g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Trọng Q mức hình phạt từ 08(Tám) năm 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù và áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 174 , điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật H mức hình phạt từ 02 (hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về hành vi của Bùi Trọng Q trong việc sử dụng trang phục, thiết bị của lực lượng An ninh nhân dân, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ đã có văn bản gửi Vụ tổ chức cán bộ - Bộ Công an để thu thập thông tin xác minh làm rõ nhưng chưa có kết quả nên nhận định tách hành vi, tiếp tục tạm giữ T1 bộ tang vật chứng, đồ vật, tài liệu có liên quan để xử lý khi có đủ cơ sở là đúng.

Đối với hành vi của Phạm Đình H khi giới thiệu anh Trần Quang Q đến nhờ Bùi Trọng Q “chạy án” và hành vi của người tên “T” gặp chị L nhận 25.000.000 đồng giúp cho Bùi Trọng Q. Anh Phạm Đình H không biết Q lừa đảo chiếm đoạt tiền của Q1. Người tên “T” hiện chưa xác định nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ không xử lý đối với Phạm Đình H và T là có cơ sở.

Đối với đơn của anh Nguyễn Hoàng Lâm tố cáo Bùi Trọng Q có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 20.000.000 đồng của anh. Qua điều tra xác định, vụ việc xảy ra tại Hện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An nên Cơ quan Cảnh Sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ đã tách cHển thông tin trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xử lý theo thẩm Q1ền là đúng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Trọng Q, Nguyễn Nhật H đã khai nhận hành vi như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ truy tố. Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt.

Về nói lời sau cùng: Các bị cáo Bùi Trọng Q, Nguyễn Nhật H xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để có cơ hội sửa chữa sai lầm và sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Q1ết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cẩm Lệ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q1ết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố, xét xử của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Trọng Q, Nguyễn Nhật H khai nhận T1 bộ hành vi phạm tội như Q1ết định truy tố của Viện kiểm sát, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có Q1ền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu hồi được cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện tại hồ sơ vụ án, nên HĐXX có đủ cơ sở xác định: Do cần tiền tiêu xài, trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 4 năm 2020, trên địa bàn quận Cẩm Lệ và Liên Chiểu của thành phố Đà Nẵng, Bùi Trọng Q, Nguyễn Nhật H là những người không có việc làm ổn định, đã lợi dụng tâm lý lo lắng của những người thân của các đối tượng vi phạm pháp luật và muốn "chạy án" Q và H đã đưa ra các thông tin sai sự thật về bản thân và đồng bọn, thực hiện các thủ đoạn gian dối để nhiều lần chiếm đoạt tổng số tiền

270.000.000 đồng của người khác. Trong đó: Q cùng H chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị L 125.000.000 đồng; của ông Võ Công Tr 20.000.000 đồng. Một mình Q chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị L số tiền 75.000.000 đồng; của anh Trần Quang Q số tiền 40.000.000 đồng; của anh Nguyễn Đình T số tiền 10.000.000 đồng.

Như vậy một mình bị cáo Nguyễn Trọng Q chiếm đoạt của những người bị hại là chị Nguyễn Thị L , anh Trần Quang Q, anh Nguyễn Đình T tổng số tiền là: 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và bị cáo đã tiêu xài cá nhân nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt riêng này. Bị cáo Bùi Trọng Q cùng với bị cáo Nguyễn Nhật H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền là: 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng y) của những người bị hại là chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công T, số tiền chiếm đoạt được các bị cáo cùng nhau chia, tiêu xài vào mục đích cá nhân nên bị cáo Q và bị cáo H phải cùng chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền chiếm đoạt chung này.

Do đó, hành vi này của bị cáo Bùi Trọng Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi của Nguyễn Nhật H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Q1 định tại điểm a, c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Bùi Trọng Q, Nguyễn Nhật H về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Xét hành vi tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, đã xâm phạm đến Q1ền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài, phục vụ cho nhu cầu cá nhân mà không phải thông qua lao động chân chính, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội hết sức táo bạo và liều lĩnh, với ý thức chiếm đoạt tài sản của người bị hại, các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin giả là mình là Công an, có nhiều mối quan hệ có thể giúp chạy án, để chiếm đoạt tiền của người bị hại bất chấp hậu quả xảy ra, thể hiện ý thức của các bị cáo rất xem thường pháp luật. Vì vậy, việc xử lý các bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết và đúng Q1 định của pháp luật, cần phải có mức án thật nghiêm khắc tương xứng với tội lỗi của các bị cáo

nhằm giúp các bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành người có ích cho xã hội, sau này biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác, đồng thời cũng nhằm để có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[3.2] Trong vụ án chiếm đoạt tổng số tiền 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng y) của những người bị hại là chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công T giữa các bị cáo Bùi Trọng Q và Nguyễn Nhật H đã có sự phân công, bàn bạc rõ ràng về vai trò của từng bị cáo. Trong đó bị cáo H là người trực tiếp liên lạc với bị cáo Q để nhờ bị cáo Q chạy án cho những người bị hại, bị cáo H cũng là người đưa ra thông tin bị cáo Q là Công an để tạo lòng tin cho người bị hại. Bị cáo Q trực tiếp trao đổi thông tin, đưa ra số tiền cũng như hứa hẹn với người bị hại về việc bị cáo có khả năng “chạy án” được cho họ cũng như người thân của họ không bị các cơ quan tiến hành tố tụng xử lý hành vi vi phạm của bản thân. Số tiền chiếm đoạt được của những người bị hại bị cáo Q chỉ chia cho bị cáo H một phần nhỏ còn lại bị cáo giữ tiêu xài cá nhân hết. Như vậy, bị cáo H đóng vai trò là người tiếp sức cho bị cáo Q trong việc tạo dựng niềm tin cho những người bị hại cũng như tạo cơ hội cho những người bị hại tiếp cận được với bị cáo Q, bị cáo H chỉ đóng vai trò thứ yếu, còn bị cáo Q đóng vai trò chủ yếu trong việc trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người bị hại.

Bị cáo Q biết rõ mục đích của người bị hại là nhờ “chạy án”, bị cáo không có chức năng, thậm chí Q1ền cũng như không có khả năng can thiệp vào việc giải quyết vụ án nhưng vẫn nhận lời và hứa tìm người giúp đỡ. Hành vi của bị cáo là dùng thủ đoạn gian dối trong việc đưa ra thông tin giả cho rằng mình là Công an và có khả năng “chạy án”. Từ thủ đoạn gian dối trên bị cáo đã lợi dụng lòng tin của những người bị hại để họ giao tiền cho bị cáo với mục đích nhờ bị cáo “chạy án”.

Bị cáo H biết rõ bị cáo Q không phải là người làm trong ngành Công an nhưng vẫn giới thiệu với những người bị hại bị cáo Q là Công an thì đây cũng được coi là hành vi gian dối là cố ý đưa ra thông tin không đúng sự thật. Như vậy, H là đồng phạm tích cực của Q trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người bị hại. Những người bị hại vì tin lời của bị cáo H nên mới đưa tiền cho bị cáo Q để lo “chạy án”. Như vậy đây là vụ án phạm tội có tổ chức. Trong đó bị cáo Q giữ vai trò chủ đạo, bị cáo H giữ vai trò thứ yếu trong việc chiếm đoạt tài sản của những người bị hại.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội có tổ chức. Trong vụ án này bị cáo H

trực tiếp cùng với bị cáo Q 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của những người bị hại nên bị cáo phạm tội nhiều lần. Bị cáo Q cùng với bị cáo H thực hiện 03 vụ chiếm đoạt tài sản của người bị hại, riêng bị cáo Q một mình thực hiện thêm 03 vụ chiếm đoạt tài sản khác, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên và có tính chất cHên nghiệp. Bị cáo coi việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người bị hại là thu nhập chính để nuôi sống bản thân.

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại. Người bị hại có đơn xin giảm án cho bị cáo Bùi Trọng Q và bị cáo Nguyễn Nhật H. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Q1 định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

[3.5] Về nhân thân của các bị cáo thì đây là lần đầu bị cáo Bùi Trọng Q phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Riêng bị cáo Nguyễn Nhật H có nhân thân xấu đã từng bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xử phạt 20 tháng tù giam về tội” Cướp giật tài sản” theo Bản án số 59 ngày 27/5/2011. Đến nay bị cáo đã được xóa án tích đối với bản án đó. Nhưng bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để rèn luyện và tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục lao vào con đường phạm tội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi phạm tội và trong quá trình điều tra vụ án bị cáo Bùi Trọng Q đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại chị Nguyễn Thị L số tiền 30.000.000đ. Bị cáo Nguyễn Nhật H đã tác động gia đình bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền 15.000.000đ. Đối với số tiền 125.000.000đ bị cáo Bùi Trọng Q và Nguyễn Nhật H cùng nhau thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị, số tiền chiếm đoạt được các bị cáo cùng nhau chia và tiêu xài vào mục đích cá nhân nên các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới trong việc bồi thường số tiền 125.000.000đ cho chị L. Chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị L số tiền 62.500.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa chị L không yêu cầu bị cáo Nguyễn Nhật H phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho chị là 47.500.000đ sau khi đã trừ số tiền 15.000.000đ gia đình bị cáo Nguyễn Nhật H đã bồi thường cho chị. Xét

thấy đây là sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L nên HĐXX chấp nhận. Chị Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo Bùi Trọng Q có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho chị số tiền: 107.500.000đ. Yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 107.500.000đ của chị L đối với bị cáo Bùi Trọng Q là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Số tiền này sau khi chiếm đoạt được bị cáo tiêu xài vào mục đích cá nhân. Vì vậy, bị cáo Bùi Trọng Q phải có trách nhiệm trong việc bồi thường số tiền 107.500.000đ cho chị Nguyễn Thị L. Anh Nguyễn Đình T yêu cầu bị cáo Bùi Trọng Q bồi thường 10.000.000 đồng, đến nay Q chưa bồi thường. Đây là yêu cầu hợp pháp của người bị hại nên HĐXX chấp nhận. Bị cáo Nguyễn Trọng Q có trách nhiệm bồi thường số tiền 10.000.000đ trên cho người bị hại anh Nguyễn Đình T.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Bùi Trọng Q phải bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị L số tiền là 107.500.000đ., bồi thường cho anh Nguyễn Đình T số tiền: 10.000.000đ.

Riêng số tiền bị cáo Q chiếm đoạt của người bị hại anh Trần Quang Q là 40.000.000đ và mượn riêng 5.000.000đ, bị cáo Q đã bồi thường cho anh Q1, chị Hoa số tiền 39.000.000đ. Anh Q1 chị Hoa không yêu cầu gì thêm về phần dân sự đối với bị cáo Q nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Nhật H đã tác động gia đình tự nguyện khắc phục số tiền 20.000.000đ cho người bị hại anh Võ Công H, anh H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm về phần dân sự nên HĐXX không xem xét, giải quyết

[5] Về xử lý vật chứng:

Qua điều tra đã chứng minh được Bùi Trọng Q thuê xe ô tô BKS: 43A - 147.38 của Công ty TNHH Thịnh Hiếu Kh để làm phương tiện đi lại, Công ty Thịnh Hiếu Kh không biết Q sử dụng xe trên vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ đã trả lại xe ô tô BKS: 43A - 147.38 và 01 bản chính Giấy chứng nhận kiểm định xe, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của xe BKS: 43A - 147.38 cho Công ty Thịnh Hiếu Khang, đại diện theo ủy Q1ền của Công ty - ông Nguyễn Chí Q đã nhận xe và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không đề cập đến.

Xe mô tô BKS: 92E1 - 400.03, qua điều tra xác định xe thuộc sở hữu của chị Bùi Thị Bích N là chị gái của Bùi Trọng Q. Chị Ng cho Q mượn xe làm phương tiện đi lại, không biết Q dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ đã trả lại xe trên cho chị N là có cơ sở nên HĐXX không đề cập đến.

Các vật chứng gồm: 03 đĩa CD của các bị hại, người liên quan nộp và Bản chính giấy cam đoan Bùi Trọng Q viết do chị Nguyễn Thị L nộp là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo được cHển cùng theo hồ sơ vụ án phục vụ xét xử nên tiếp tục được lưu giữ trong hồ sơ.

Các vật chứng còn lại gồm: Giấy phép lái xe mang tên Bùi Trọng Q đây là tài sản cá nhân của bị cáo Q không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo Q. Điện thoại di động hiệu Sam sung S20, màu đen, gắn sim số 0905.555.578; Điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu vàng gắn sim số 0979533367; Điện thoại di động hiệu Nokia màu cam; Điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh dương, đây là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc liên lạc với những người bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản của họ nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với điện thoại hiệu Nokia màu xanh đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 1.500.000 đồng tạm giữ của H đây là tiền cá nhân của H không liên quan đến vụ án cần trả lại cho H nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Số tiền 2.500.000 đồng bà Trần Thị B tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo H tiếp tục Q1 trừ để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng trên hiện đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và Giấy nộp tiền vào tài khoản số: 3949.0.1036411.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng ngày 13/11/2020.

Về hành vi của Bùi Trọng Q trong việc sử dụng trang phục, thiết bị của lực lượng An ninh nhân dân, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ đã có văn bản gửi Vụ tổ chức cán bộ - Bộ Công an để thu thập thông tin xác minh làm rõ nhưng chưa có kết quả nên nhận định tách hành vi, tiếp tục tạm giữ T1 bộ tang vật chứng, đồ vật, tài liệu có liên quan để xử lý khi có đủ cơ sở là đúng nên HĐXX không xem xét, giải Q1ết.

Đối với hành vi của Phạm Đình H (H rumbo) khi giới thiệu anh Trần Quang Q đến nhờ Bùi Trọng Q “chạy án” và hành vi của người tên “T” gặp chị L nhận 25.000.000 đồng giúp cho Bùi Trọng Q. Anh Phạm Đình H không biết Q lừa đảo chiếm đoạt tiền của Q1. Người tên “T” hiện chưa xác định nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ không xử lý đối với Phạm Đình H và T là có cơ sở nên HĐXX không xem xét, giải Q1ết.

Đối với đơn của anh Nguyễn Hoàng Lâm tố cáo Bùi Trọng Q có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 20.000.000 đồng của anh. Qua điều tra xác định, vụ việc xảy

ra tại Hện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An nên Cơ quan Cảnh Sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ đã tách cHện thông tin trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xử lý theo thẩm Q1ền là đúng nên HĐXX không xem xét, giải Q1ết.

[6] Về án phí: Các bị cáo Bùi Trọng Q, Nguyễn Nhật H phải chịu án phí HSST theo Q1 định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Bùi Trọng Q phải chịu trên tổng số tiền phải bồi thường cho những người bị hại là: $117.500.000đ \times 5\% = 5.875.000đ$.

Vì các lẽ trên,

Q1ẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Trọng Q, Nguyễn Nhật H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.1. Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm a, b , g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Trọng Q 09 (Chín) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 7 năm 2020.

1.2. Căn cứ: Điểm a, c khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Nhật H 04 (Bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/7/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Bùi Trọng Q phải bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 107.500.000đ, bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Đình T số tiền 10.000.000đ.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Đình T có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Bùi Trọng Q chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo Bùi Trọng Q còn phải trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Đình T khoản lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Q1 định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự .

Tuyên:

Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án đối với 03 đĩa CD của các bị hại, người liên quan nộp và Bản chính giấy cam đoan Bùi Trọng Q viết do chị Nguyễn Thị L nộp. Trả lại 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Trọng Q.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Điện thoại di động hiệu Sam sung S20, màu đen, gắn sim số 0905.555.578; Điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, màu vàng gắn sim số 0979533367; Điện thoại di động hiệu Nokia màu cam; Điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh dương.; Điện thoại hiệu Nokia màu xanh.

Số tiền 1.500.000 đ là tiền cá nhân của bị cáo Nguyễn Nhật H không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục Q1 trừ để đảm bảo thi hành án.

Số tiền 2.500.000 đồng bà Trần Thị B tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo H tiếp tục Q1 trừ để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng trên hiện đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và Giấy nộp tiền vào tài khoản số: 3949.0.1036411.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng ngày 13/11/2020.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Q1ết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Q1 định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Bùi Trọng Q, Nguyễn Nhật H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí DSST bị cáo Bùi Trọng Q phải chịu: 5.875.000đ.

5. Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Q1 định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- VKSND tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT quận Cẩm Lệ;
- Cơ quan THAHS CA quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Sở tư pháp tp. Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Hòa Sơn, CATP Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- VKSND tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT quận Cẩm Lệ;
- Cơ quan THAHS CA quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Sở tư pháp tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thanh Tuyền

